

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **183/2025/DS-PT**
Ngày: 26 – 6 – 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Tô Hoàng Ôn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 25 và 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2025/TLPT-DS ngày 23/4/2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Vũ L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 03/3/1989, (có mặt ngày 19/6/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Lê Vũ L, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/8/2024). (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc T (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2025):

1. Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã Tân Hội, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Bà Trần Đào Thúy N1, sinh năm 1995. Địa chỉ: số A Hẻm A, Khu V, Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. Bà Trần Tuyết M, sinh năm 2002. Địa chỉ: Khu V Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số C, đường L, phường L, quận C, Thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T2:
Bà Tô Thị Mộng V – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C. Địa chỉ: Số C, đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt ngày 19/6/2025).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn ông Lê Vũ L trình bày:* Trước đây ông với bà Phạm Thị Ngọc T quen biết và có tình cảm với nhau và đến năm 2021 hai người làm lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống với nhau, bà T có ghi sổ đề, đánh sổ đề và gây ra số nợ là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Nghĩ chỗ tình cảm, nên ông đã vay mượn đưa cho bà T số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), cụ thể: ông vay Ngân hàng 350.000.000 đồng, mượn của chị ruột, bà Lê Thị Thúy N, 01 lượng 08 chỉ vàng 24K và bà N đứng ra vay dùm 160.000.000 đồng, đã trả dần còn nợ gốc là 110.000.000 đồng. Bà T cũng đã thừa nhận, nhưng đến nay không trả số tiền trên. Ông yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy N trình bày:* Bà có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, từ tháng 02/2023 đến tháng 03/2024 và bà hốt hụi với số tiền 112.000.000 đồng, nhưng bà T mới giao 30.000.000 đồng, còn lại 82.000.000 đồng không giao. Bà T cũng đã thừa nhận, nhưng đến nay không trả số tiền trên. Bà yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điều 91, 92, và 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 163, 164,

166, 280, 351 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Vũ L và bà Lê Thị Thúy N. Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 82.000.000 đồng; trả cho ông L số tiền 600.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/3/2025 bị đơn Phạm Thị Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24/2/2025 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và có thay đổi số tiền yêu cầu bà T trả tổng cộng là 595.000.000 đồng, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và người đại diện bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đối với số tiền hui bà N 82.000.000 đồng bà T thừa nhận còn nợ nhưng khoảng nợ này trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông Lê Vũ L có trách nhiệm cùng trả; đối với khoảng tiền 600.000.000 đồng bà T không nợ ông L, các tin nhắn ông L cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm là tin nhắn giữa bà T với ông L nhưng thời điểm đó do bà T còn tình cảm với ông L nên giận dỗi mà nhắn tin vậy chứ không phải nhắn tin thừa nhận nợ nên không đồng ý trả. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại bản luật cứ ngày 25/6/2025 luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa ngày 19/6/2025 nguyên đơn xác nhận bị đơn làm chủ hui, biết rõ quá trình tham gia hui của chị N và quá Trình chị T là chủ hui. Đồng thời, tại thời điểm chị T làm chủ hui thì chị T và nguyên đơn còn sống chung nhà là vợ chồng nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Ngoài chứng cứ là tin nhắn Zalo anh L cung cấp cho Tòa, anh L cho rằng chị T thừa nhận nợ là tin nhắn ngày 11/6/2024 (BL23), chị T cho rằng tin nhắn này không phải tin nhắn xác nhận nợ 600.000.000 đồng. Tại thời điểm ngày 11/6/2024 chị T đã đi làm việc ở tỉnh khác không còn chung sống với anh L và tại phiên tòa ngày 19/6/2025 anh L cũng xác định thời điểm vay Ngân hàng , mượn tiền, vàng của chị N thì tự cá nhân anh đứng ra vay mượn và theo lời trình bày anh L thì thời điểm này chị T đang ở Hải Phòng. Do vậy, anh L cho rằng chị T nợ 600.000.000 đồng là không có căn cứ. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 91; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án dân

sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24/2/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Buộc anh Lê Vũ L và chị Phạm Thị Ngọc T liên đới trả cho chị Lê Thị Thúy N số tiền 82.000.000 đồng; Bác yêu cầu buộc chị Phạm Thị Ngọc T trả cho anh Lê Vũ L số tiền nợ 600.000.000 đồng.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T, sửa Bản án số 19/2025/DS-ST, ngày 24/02/2025 của TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm, buộc bị đơn phải trả 595.000.000 đồng, các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy N và bị đơn Phạm Thị Ngọc T vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Tại phiên tòa ông Lê Vũ L có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T trả số tiền 595.000.000 đồng. Xét thấy, thay đổi yêu cầu của ông L là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Ông L yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng; Bà N yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu là 82.000.000 đồng. Quá trình giải quyết án bị đơn không tham gia phiên tòa và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của các nguyên đơn nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ các nguyên đơn cung cấp. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn L 600.000.000 đồng và N 82.000.000 đồng. không đồng ý với các quyết định trên nên bị đơn kháng cáo.

[3] Xét thấy bị đơn yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của bà, cụ thể:

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi 82.000.000.000 đồng của nguyên đơn Lê Thị Thúy N. Tại phiên tòa ngày 19/6/2025 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Tuyết M thừa nhận bị đơn còn nợ số tiền trên, nhưng cho rằng khoảng nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả 50% (mỗi người trả phân nửa), nguyên đơn ông Lê Vũ L không đồng ý. Xét thấy, khi bà T làm chủ hụi ông L biết, cũng không ngăn cản nhưng không có tham gia cùng bị đơn, quá trình chơi hụi, giao dịch được thực hiện giữa bà N và bà T. Đồng thời, giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận là vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và khi giải quyết quan hệ về tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng thì thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự (Điều 14 và Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014). Vì vậy, yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Tuyết M yêu cầu ông L có nghĩa vụ cùng bà T trả số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của chị T đối với khoản nợ anh Lê Vũ L 600.000.000 đồng chị T không thừa nhận nên không đồng ý trả. Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ về việc ông L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 600.000.000 đồng nhưng không có ý kiến phản đối về việc các nguyên đơn ông L và bà N khởi kiện. Tại phiên tòa ngày 19/6/2025, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn T phải trả 600.000.000 đồng, bị đơn phản đối không đồng ý trả nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh để bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn cũng thừa nhận các tin nhắn Zalo ngày 11/6/2024 (BL23,24,25) là tin nhắn giữa bị đơn với nguyên đơn, khi đó do bị đơn còn tình cảm với nguyên đơn nên nhắn tin theo kêu giận dỗi chứ không phải tin nhắn thừa nhận nợ. Qua xem xét nội dung tin nhắn giữa nguyên đơn và bị đơn thì thấy rằng tin nhắn thể hiện nội dung nguyên đơn tính các khoản nợ với bị đơn và bị đơn có trả lời “tính bao nhiêu cũng được, mệt, um, B cug dc, .. và nguyên đơn nhắn “vậy chốt 786tr hé, xe mẹ mẹ tự đóng r giải quyết xong kêu gia đình mẹ đó lấy xe về chạy cho sang” bị đơn trả lời “Um, B1 ko trón, chỉ là chưa có trả...”. Qua nội dung các tin nhắn và phân tích trên thể hiện bị đơn T có nợ tiền nguyên đơn nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 595.000.000 đồng việc thay đổi yêu cầu này thấp hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn trả số tiền 595.000.000 đồng cho nguyên đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bị đơn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn L số tiền 595.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, 37 và 45 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh L, chị T liên đới trả nợ cho chị N và bác yêu cầu của anh L về việc buộc chị Trần trả tiền là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bản án bị sửa một phần nên án phí sơ thẩm cũng được điều chỉnh cho phù hợp theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điều 91, 92, và 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 163, 164, 166, 280, 351 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; T4 lại như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Vũ L và bà Lê Thị Thúy N.

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền 82.000.000 đồng;

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Lê Vũ L số tiền 595.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 31.080.000 đồng.

- Bà Lê Thị Thúy N và ông Lê Vũ L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.640.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0007479, ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số: 0009658, ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Phòng KTNV, PTC, TDS;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy